

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC HẠNH*

Ngày nhận bài: 01/06/2016; ngày sửa chữa: 05/07/2016; ngày duyệt đăng: 07/07/2016.

Abstract: The higher education in our country has been concerned by society because the quality of tertiary education falls further and further behind the world and region countries despite of efforts of state regulators. Improving the quality of higher education is the vital condition for not only universities but also Vietnam education to successfully integrate to the world economy. However, situation of higher education quality shows that most of the universities in Vietnam need to have new impetus to double efforts in order to catch up with advanced countries.

Keywords: Higher education, education quality, university lecturers.

1. Tài năng và trí tuệ, năng lực và bản lĩnh trong lao động sáng tạo của con người không phải xuất hiện một cách ngẫu nhiên, tự phát mà phải trải qua một quá trình chuẩn bị và đào tạo công phu, bền bỉ, có hệ thống. Không thể phát triển nếu không đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học (GDĐH) nói riêng. Đầu tư cho GDĐH chính là đầu tư vào nhân tố con người - nhân tố quyết định của lực lượng sản xuất, là đầu tư cơ bản để phát triển KT-XH, đầu tư ngắn nhất và tiết kiệm nhất để hiện đại hóa nền sản xuất xã hội và hiện đại hóa dân tộc. Xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá cùng với kinh tế tri thức hình thành trên cơ sở phát triển hàm lượng trí tuệ cao trong sản xuất, dịch vụ và quản lý ở tất cả các quốc gia làm cho GDĐH ngày càng quan trọng. Ngay từ năm 2003, Ngân hàng Thế giới đã dự báo rằng, trong thời đại của kinh tế tri thức, bất kì một quốc gia nào, để có thể đi tắt, đón đầu nhằm thực hiện CNH, HĐH đất nước thì nguồn nhân lực chất lượng cao luôn giữ vai trò quyết định. Trên thực tế, dễ nhận thấy, chất lượng đào tạo của các trường đại học ảnh hưởng trực tiếp tới sự tăng trưởng kinh tế và các chính sách xã hội. Đương nhiên, các trường đại học cũng luôn chịu sự tác động mạnh mẽ của môi trường KT-XH và các thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại.

Hiện nay, không chỉ Việt Nam mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đều chăm lo nâng cao chất lượng GDĐH như là phương thức tạo ra lợi thế so sánh. Quốc gia nào có nền GDĐH tốt sẽ chiến thắng trong nền kinh tế tri thức. Cũng từ rất lâu, khái niệm “đảm bảo chất lượng GDĐH” được sử dụng rộng rãi trên thế giới như là một công cụ nhằm duy trì các chuẩn mực và để không ngừng cải thiện chất lượng GDĐH. Nó được dùng như là một thuật ngữ chung ở các cấp độ khác nhau và theo rất nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào văn hoá và tình

trạng phát triển KT-XH của mỗi nước. Tuy nhiên, mục tiêu chung là để bảo đảm sự phát triển GDĐH nhằm đáp ứng nhu cầu vận động và phát triển không ngừng của thực tiễn nền kinh tế tri thức hội nhập khu vực và quốc tế. Mục tiêu phát triển của Việt Nam là, đến năm 2020 về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu này, một trong những yếu tố có ý nghĩa then chốt là chất lượng GDĐH. Bởi trong bất kì điều kiện lịch sử nào, GDĐH là cơ sở chuyển giao những thành tựu khoa học - công nghệ mới nhất, là đầu tàu trong việc tạo ra nguồn lao động chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm của nhà nước tới giáo dục nói chung, GDĐH nói riêng, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục nói chung tăng từ 11% năm 1996 lên 20% tổng chi ngân sách Nhà nước vào năm 2010. Nhiều địa phương, bên cạnh ngân sách trung ương, còn có thêm từ ngân sách địa phương đầu tư cho giáo dục và có nhiều cố gắng cải tiến việc phân bổ, điều hành ngân sách; đồng thời huy động nguồn lực của nhân dân để tăng cường cơ sở vật chất, kĩ thuật nhà trường, bảo đảm chất lượng dạy và học. Đóng góp của nhân dân cho giáo dục là một khoản đầu tư đáng kể, đáp ứng khoảng 30-40 % chi phí hàng năm của ngành Giáo dục. Các nguồn vốn ODA và hỗ trợ không hoàn lại từ nước ngoài cũng được bổ sung cho phát triển giáo dục. Riêng lĩnh vực GDĐH, trong thời gian qua, phải kể đến sự nỗ lực của Bộ GD-ĐT trong bảo đảm chất lượng GDĐH. Đầu năm 2002, Phòng kiểm định chất lượng đào tạo trong vụ Đại học, Bộ GD-ĐT được thành lập. Năm 2004, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập, kiểm định chất lượng được đẩy mạnh từ tháng 12/

* Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

2004 khi *Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học* được ban hành và tiếp tục củng cố và phát triển gắn với việc ban hành các quy trình và tiêu chuẩn kiểm định khác. Hiện nay, Bộ GD-ĐT đang triển khai kiểm định chất lượng giáo dục theo mô hình được nhiều nước trên thế giới sử dụng, đặc biệt là mô hình kiểm định của Hoa Kỳ, đó là quá trình đánh giá bởi một tổ chức không thuộc các cơ sở giáo dục để công nhận các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng. Theo các chuyên gia giáo dục, nhờ những nỗ lực đó mà trong thời gian qua, GDĐH nước ta đã phát triển rõ rệt về quy mô, đa dạng hóa về loại hình và các hình thức đào tạo, bước đầu điều chỉnh cơ cấu hệ thống, cải tiến chương trình, quy trình đào tạo và huy động được nhiều nguồn lực xã hội. Chất lượng GDĐH ở một số ngành, lĩnh vực, cơ sở GDĐH có những chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH. Đội ngũ giảng viên (GV) có trình độ đại học và trên đại học mà tuyệt đại đa số được đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong nước đã góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước. Thành tựu quan trọng nữa là, GDĐH đã cung cấp hàng triệu nhân lực có trình độ cao đẳng, đại học, hàng vạn lao động có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ cho đất nước. Đây là lực lượng chủ lực, nòng cốt của quá trình CHN, HĐH đất nước, của phát triển đất nước trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế. Hệ thống cơ sở đào tạo đại học đã phủ gần kín cả nước (62/63 tỉnh, thành phố đã có đại học hoặc cao đẳng). Đầu tư của nhà nước cho GDĐH tăng nhanh, cơ chế tài chính cho GDĐH đã bắt đầu được đổi mới, cơ chế giám sát chất lượng giáo dục được thực hiện. Quan hệ quốc tế phát triển tương đối nhanh cả cấp quốc gia và cấp trường.

2. Mặc dù có những nỗ lực như vậy, nhưng GDĐH hiện nay còn nhiều bất cập. Cụ thể:

- Nội dung chương trình nặng về lí thuyết, xa rời thực tế. Đây là vấn đề còn tồn tại của hệ thống GDĐH Việt Nam đã tồn tại cả chục năm về trước. Nguyên nhân của thực trạng này là do thiếu sự liên kết chặt chẽ của nhà trường đối với doanh nghiệp, chưa nắm bắt được nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp nên nội dung đào tạo vẫn theo lối mòn, dần dà trở nên lạc hậu, vì thế không nắm bắt đúng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Hệ lụy này dẫn đến nạn thất nghiệp tràn lan của sinh viên mới tốt nghiệp. Thống kê năm 2013 cho thấy, có tới 101.000 sinh viên có bằng đại học nhưng chưa có việc làm.

- Hiện tượng thiếu GV đại học chất lượng diễn ra phổ biến ở những trường đại học mới nâng cấp, mới

thành lập. Rất nhiều trường tư thục không có GV giảng dạy đúng chuyên ngành, phải hợp đồng với GV của các trường khác. Tính đến cuối năm 2013-2014, cả nước có 471 trường đại học, cao đẳng với tổng số là 91.633 GV, trong đó chỉ có 517 GV có học hàm Giáo sư, 2.966 GV là Phó giáo sư, 9.562 GV là Tiến sĩ.

- So với yêu cầu đổi mới GDĐH, chất lượng đội ngũ GV vẫn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Mặc dù các trường đã có nhiều nỗ lực, cố gắng đào tạo, bồi dưỡng GV nhưng cho tới nay vẫn còn tồn tại, hạn chế. Tỷ lệ GV có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư, trình độ Tiến sĩ trong toàn hệ thống còn thấp. Theo quy định của Bộ GD-ĐT, nếu một trường đại học muốn mở một mã ngành thì phải có ít nhất 1 Tiến sĩ và 3 Thạc sĩ làm GV. Thế nhưng trên thực tế, trong quá trình giảng dạy, nhiều trường đã không đảm bảo đội ngũ và chất lượng GV so với yêu cầu đề ra.

- GDĐH là thể hiện nghĩa vụ của Nhà nước đối với cộng đồng, thế nhưng GDĐH ở nước ta lại mang nặng tính thương mại. Thời gian qua, việc nâng cấp một lượng lớn các trường đại học diễn ra một cách nhanh chóng, nhiều trường khi được nâng cấp lại có nhiều ngành nghề không đúng với thực chất năng lực đào tạo dẫn đến chất lượng nguồn nhân lực không đáp được so với yêu cầu xã hội.

- Đúng trước thực trạng giáo dục nước nhà nói chung, GDĐH nói riêng, Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: *"Chất lượng GD-ĐT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội;... Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lí giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH. Quản lí nhà nước về giáo dục còn bất cập. Xu hướng thương mại hoá và sa sút đạo đức trong giáo dục khắc phục còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội"*[1; tr 167-168].

3. Để khắc phục những hạn chế cũng như phát triển GDĐH đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT* xác định: *"Đối với GDĐH, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở GDĐH, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực*

và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [2]. Nghị quyết còn đưa ra chủ trương đổi mới mạnh mẽ nội dung GDĐH và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống GDĐH. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Thực hiện phân tầng cơ sở GDĐH theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng; củng cố và phát triển một số cơ sở GDĐH và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Sự ra đời của Nghị quyết này thể hiện sự quan tâm rất lớn của Đảng tới sự nghiệp giáo dục, đặc biệt là GDĐH để đáp ứng tốt hơn quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, khoa học giáo dục và sự cạnh tranh quyết liệt trên nhiều lĩnh vực giữa các quốc gia đòi hỏi giáo dục phải đổi mới. Thực chất, cạnh tranh giữa các quốc gia hiện nay là cạnh tranh về nguồn nhân lực và về khoa học - công nghệ.

Có nhiều nguyên nhân tác động đến chất lượng GDĐH, trong đó GV là khâu quyết định. GV chất lượng là những người có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp dạy học độc đáo, thậm chí có năng lực quản lý tốt. Phát triển GV là một trong những nhân tố cấp bách, quyết định việc nâng cao chất lượng dạy học và phát triển hệ thống GDĐH ở Việt Nam hiện nay. Theo quan điểm của chúng tôi, có đội ngũ GV giỏi là sẽ có nhà quản lý tốt, chương trình đào tạo tốt, sinh viên tốt, thị trường tốt. Để có thể phát triển được đội ngũ GV, điều cần được xác định là xây dựng một bộ năng lực tối thiểu cần thiết cho GV. Trên cơ sở bộ năng lực này, các cơ sở đào tạo cần xây dựng chiến lược phát triển bằng cách kết hợp các loại hình đào tạo khác nhau để phát triển đội ngũ của mình: 1) Đào tạo dài hạn, chính quy (Tiến sĩ, Thạc sĩ); 2) Đào tạo và bồi dưỡng liên tục cho phù hợp với nhu cầu phát triển của từng trường, khoa; 3) Các GV tự học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực của bản thân; 4) Tạo ra các môi trường và điều kiện để GV có thể phát triển các năng lực của mình - Xây dựng tổ chức học tập [3].

Trong chiến lược phát triển đội ngũ GV, cần có hệ thống các chính sách phù hợp. Theo chúng tôi, chính sách thu hút GV giữ vai trò quyết định. Khi GV có thu

nhập phù hợp, họ mới có điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Khi tuyển dụng GV, ngoài những tiêu chuẩn về mặt đạo đức và chính trị, GV phải có đủ ba năng lực cơ bản: 1) Có năng lực chuyên môn cao, nắm bắt được những phát triển mới nhất trong học thuật cũng như trong thực tiễn chuyên môn của mình; 2) Có năng lực GV phù hợp với lĩnh vực chuyên môn sâu của mình; 3) Có năng lực nghiên cứu sâu trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chiến lược phát triển hệ thống GDĐH đến năm 2020 có thực hiện được hay không, điều quan trọng và cốt lõi phụ thuộc vào việc hệ thống GDĐH của chúng ta có phát triển được đội ngũ GV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng hay không. Phát triển GV không phải là việc làm một lần là xong, trong điều kiện bùng nổ tri thức hiện nay, công việc này cần được coi là thường xuyên, liên tục của toàn hệ thống, từng trường, khoa và mỗi GV.

Cần phải đổi mới hệ thống chính sách đối với GV như chính sách thu nhập, chính sách giảng dạy, chính sách nghiên cứu khoa học theo hướng thay thế quản lý “cứng” bằng quản lý “mềm” (quản lý “tri thức ẩn tàng” của GV) [4]. Hiện nay, có một số văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đối với GV nhưng các văn bản này không đề cập đến việc quản lý tri thức của GV, trong khi “tri thức ẩn tàng” chính là tài sản quý nhất của họ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Philip G. Altbach và cộng sự (2012). *Phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhân tài – Một số kinh nghiệm của thế giới*. NXB Chính trị Hành chính.
- [4] Brooking, A. (1997). *The management of intellectual capital*. Journal of Long Range Planning, Vol. 30, No. 3, pp. 364-5.
- [5] De Jarnett, L. (1996). *Knowledge the latest things*. Information Strategy, The Executives Journal, Vol. 12, pt 2, pp. 3-5.
- [6] Drucker, P. F., (1993). *Professtional's productivity*. Across the Board, Vol. 30, No. 9, Nov-Dec, pp. 50.
- [7] Drucker, P. F., (1995). *The information executives truly need*. Harvard Business Review, Jan-Feb, pp. 54-62.